

Bản án số: 70/2025/DS-PT

Ngày: 24/4/2025

V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Kiên.

Các Thẩm phán: bà Nguyễn Thị Thu Hà và bà Vũ Thị An.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thuý, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên: Bà Lê Ngọc Kim Loan, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 232/2024/DS-PT ngày 27/11/2024 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 18/2024/DS-ST ngày 21/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên có kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2025/QĐ-PT ngày 03/02/2025; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thế T, sinh năm 1968 (đã chết ngày 30/8/2023). *Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Hoàng Thị T1, sinh năm 1970 là vợ ông T (Cố mặt); Anh Nguyễn Thế T2, sinh năm 2001 là con ông T (Vắng mặt); Bà Lưu Thị L, sinh năm 1933 là mẹ ông T (vắng mặt từ chối không tham gia tố tụng).
Đều có địa chỉ: Xóm Làng Cỏ, xã Lam Vỹ, huyện Định Hóa, Thái Nguyên

2. Bị đơn: Ông Hoàng Văn T3, sinh năm 1972. Địa chỉ: Xóm L, xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (Cố mặt);

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Minh T4 - CV: Chủ tịch UBND huyện. *Người đại diện theo uỷ quyền:* Ông Trần Trường T5 - CV: Phó trưởng phòng, phòng Tài Nguyên và Môi trường huyện Đ (Ông T5 vắng mặt có lý do);

+ Hạt Kiểm Lâm A, tỉnh Thái Nguyên. *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Đức T6 - CV: Hạt trưởng. *Người đại diện theo uỷ quyền:* Ông Trần Trọng B - CV: Phó Hạt trưởng (ông B vắng mặt có lý do)

+ Bà Mông Thị Đ, sinh năm 1970. Địa chỉ: Xóm L, xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (Cố mặt).

Do có kháng cáo của người có QLNVLQ bà Mông Thị Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Thế T và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T anh Nguyễn Thế T2 trình bày:

Ông T yêu cầu vợ chồng ông Hoàng Văn T3 phải trả lại diện tích đất đã lấn chiếm khoảng hơn 2.000 m² (đất rừng sản xuất) tại thửa đất số 737, tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính xã L cho gia đình ông T sử dụng.

Về nguồn gốc thửa đất: Thửa đất này là của bố mẹ ông phát dưỡng và quản lý từ khoảng năm 1952. Khoảng năm 1995 ông Hoàng Văn T7 là bố đẻ ông T3 (ông T7 là người ở Cao Bằng, năm 1979 chiến tranh biên giới phía Bắc, ông T7 tản cư xuống) hỏi mượn bố mẹ ông khu đất này để làm lán ở, chăn nuôi, sau đó ông T3 trồng keo. Năm 2002, nhà nước triển khai việc đo đạc, giao đất giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân, ông đã đi nhận đất, chỉ dẫn để đơn vị đo đạc tiến hành đo đạc, sau đó ông được Ủy ban nhân dân huyện Đ giao đất giao rừng theo Quyết định giao đất lâm nghiệp số 10241/QĐ - UB ngày 31/12/2002, lô đất này là lô 20, khoảnh 4, tiểu khu B có diện tích 0,31 ha. Năm 2005, nhà nước tiến hành đo đạc bản đồ địa chính thì lô đất này có số hiệu thửa 737, tờ bản đồ số 01, diện tích là 3.035 m² đất rừng sản xuất. Năm 2013 ông kê khai và được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 777534, số vào sổ CH 05044 ký ngày 20/12/2013. Tuy đo đạc được giao đất, giao rừng sau đó được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng do gia đình còn nhiều thửa đất khác, không có nhân lực để canh tác nên vẫn để cho gia đình ông T3 trồng keo, ông T3 trồng keo và khai thác được 02 chu kỳ keo, sau khi khai thác lứa keo thứ 2 xong gia đình ông đã đề nghị ông T3 trả lại, nhưng ông T3 không trả mà tiếp tục trồng keo nên ông đã có đơn đề nghị chính quyền địa phương giải quyết, hoà giải nhưng không thành nên ông khởi kiện đề nghị TA giải quyết.

Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm ông T chết, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn giữ nguyên quan điểm của ông T. Buộc vợ chồng ông Hoàng Văn T3 và bà Mông Thị Đ khai thác toàn bộ cây trồng trả lại 2.177,3m² đất tại thửa 737, tờ bản đồ số 1 bản đồ địa chính xã L theo kết quả đo đạc hiện trạng của Công ty cổ phần Đ1 ngày 02/8/2023.

Bị đơn ông Hoàng Văn T3 trình bày:

Ông không tranh chấp gì với gia đình ông T, thửa đất hiện ông T khởi kiện gia đình ông là của bố mẹ ông khai phá từ sau khi gia đình ông chuyển từ tỉnh Cao Bằng về xã L, huyện Đ sinh sống năm 1979. Từ năm 1998 gia đình ông đã phát rừng trồng keo, đã khai thác được 02 chu kỳ keo, lứa keo hiện nay là trồng lứa thứ 3 và mở tái sinh. Thửa đất này năm 2006 vợ chồng ông T cho rằng gia đình ông lấn chiếm, thôn Làng Cỏ đã tiến hành xuống thực địa xác minh ranh giới, hai bên gia đình đã thống nhất ranh giới, từ đó đến nay bên nào bên ấy sử dụng đúng ranh giới của mình, không ai có ý kiến, không có tranh chấp. Vì vậy, ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của gia đình ông T, bà T1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Mông Thị Đ:

Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm và tại phiên toà phúc thẩm bà Đ hoàn toàn nhất trí với ý kiến của ông T3.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên có quan điểm trình bày:

Vị trí tranh chấp: Vị trí tranh chấp thuộc một phần thửa đất số 737, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính xã L, diện tích khoảng hơn 2.000 m² đất rừng sản xuất (Sơ đồ vị trí do công ty Đ1 và bản đồ T thực hiện tháng 8 năm 2023);

Hồ sơ địa chính:

+ Quyết định 10241/QĐ/UB ngày 31/12/2002 của UBND huyện Đ về giao đất lâm nghiệp, cho ông Nguyễn Thế T, Lô B, K Tiểu khu B diện tích 0,31ha;

+ Bản đồ giao đất giao rừng năm 2002 xã L;

+ Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 07/7/2013 của ông Nguyễn Thế T; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 777534, số vào sổ CH 05044, ký ngày 20/12/2013 mang tên ông Nguyễn Thế T;

+ Bản đồ địa chính xã L tờ số 01.

Quá trình cấp giấy chứng nhận thửa đất số 737, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính xã L cho ông Nguyễn Thế T Ngày 07/7/2013 ông Nguyễn Thế T làm đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 737, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính xã L, diện tích 3035 m² đất rừng sản xuất; Ngày 20/12/2013 ông Nguyễn Thế T được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 777534, số vào sổ CH 05044 đối với thửa đất số 737, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính xã L, diện tích 3035 m² đất rừng sản xuất.

Nguồn gốc, quá trình sử dụng đất: Ngày 17/01/2025 phòng T tiến hành kiểm tra thực địa khu đất tranh chấp, tại buổi làm việc các bên cho biết nguồn gốc, quá trình sử dụng đất như sau:

+ Ông Hoàng Văn T3: trước năm 1998 là đất hoang, đến năm 1998 ông T3 khai phá trồng Sắn, đến năm 2002 trồng M, năm 2021 trồng Keo.

+ Bà Hoàng Thị T1 (vợ ông Nguyễn Thế T): trước năm 1997 là đất hoang, năm 2000 bố mẹ bà T1 tặng cho бат Tiểu khu đất này, lúc tặng cho trên đất đã có cây K, M của ông T3 trồng khoảng được 3 năm (Bố mẹ bà T1 cho rằng khu đất trên, nhà ông T3 lấn chiếm phần đất này);

+ Theo báo cáo số 182/BC-UBND ngày 10/9/2022 của UBND xã L về kết quả xác minh mâu thuẫn tranh chấp đất đai, thì gia đình ông Hoàng Văn T3 đã sử dụng và canh tác thửa đất trên từ năm 1998 đến nay và đã khai thác 02 chu kỳ cây (cây Mỡ).

+ Hiện trạng: Gia đình ông T3 đang trồng cây keo, cây mỡ (trồng năm 2021). Hiện trạng trên phần đất tranh chấp có cây Mỡ của ông T3 trồng từ những năm 1998 và cây Keo trồng năm 2016.

+ Theo hồ sơ giao đất lâm nghiệp xã L năm 2002 thì không xác định được vị trí ngoài thực địa Lô 20, K Tiểu khu B diện tích 0,31ha mà UBND huyện Đ giao đất cho ông Nguyễn Thế T tại Quyết định 10241/QĐ/UB ngày 31/12/2002. Căn cứ vào nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của các bên cho thấy phần đất tranh chấp trước năm 1998 là đất hoang, từ năm 1998 đến nay ông Hoàng Văn T3 sử dụng trồng cây Mỡ, K, đến năm 2022 mới xảy ra tranh chấp. Do vậy, năm 2013 UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thế T được quyền sử dụng thửa đất số 737, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính xã L, diện tích 3035 m² đất rừng sản xuất, trong đó có khoảng hơn 2.000 m² đất ông Hoàng

Văn T3 sử dụng ổn định từ năm 1998 đến nay là không đúng chủ sử dụng đất, không đúng quy định của pháp luật đất đai, trái với quy định tại Khoản 1, Điều 3 Nghị định 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, cụ thể như sau: “ Điều 3. Nguyên tắc cấp Giấy chứng nhận: *1. Giấy chứng nhận được cấp cho người có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất theo từng thửa đất. Trường hợp người sử dụng đất đang sử dụng nhiều thửa đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối tại cùng một xã, phường, thị trấn mà có yêu cầu thì được cấp một Giấy chứng nhận chung cho các thửa đất đó.*”;

UBND huyện Đ đề nghị Tòa án nhân tỉnh Thái Nguyên tuyên hủy (hoặc thu hồi) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 777534, số vào sổ CH 05044, ký ngày 20/12/2013 mang tên ông Nguyễn Thê T, xóm Làng Giản (nay là xóm L), xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Lý do: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cấp trái với quy định tại Khoản 1, Điều 3 Nghị định 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Hạt kiểm lâm rừng ATK huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên có quan điểm trình bày:

Vị trí tranh chấp: Thuộc một phần của thửa đất số 737, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính xã L, diện tích khoảng hơn 2.000m² đất rừng sản xuất. (Sơ đồ vị trí do Công ty CP Đ1 thực hiện tháng 8/2023).

Quá trình giao đất và cấp giấy chứng nhận thửa đất số 737:

+ Ngày 31/12/2002, Ủy ban nhân dân huyện Đ có Quyết định số 10241/QĐ-UB về giao đất lâm nghiệp cho ông Nguyễn Thê T tại lô 20, khoảnh 4, tiểu khu B, diện tích 0,31ha;

+ Ngày 07/7/2013, ông Nguyễn Thê T làm đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 737, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính xã L, diện tích 3.035m² đất rừng sản xuất;

+ Ngày 20/12/2013, ông Nguyễn Thê T được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 777534 đối với thửa đất số 737, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính xã L, diện tích 3.035m² đất rừng sản xuất.

Nguồn gốc, quá trình sử dụng đất: Ngày 17/01/2025, Phòng TN&MT phối hợp với Hạt Kiểm lâm rừng ATK Định Hóa và chính quyền địa phương (xóm, xã) tiến hành kiểm tra thực địa khu vực tranh chấp và làm việc với các bên liên quan cho biết nguồn gốc, quá trình sử dụng đất như sau:

+ Ông Hoàng Văn T3 cho biết trước năm 1998 là đất hoang, đến năm 1998 ông T3 khai phá trồng Sắn, đến năm 2002 ông trồng M, năm 2021 ông trồng thêm cây Keo;

+ Bà Hoàng Thị T1 (vợ ông T) cho biết trước năm 1997 là đất hoang, năm 2000 bố mẹ bà T1 tặng cho bà T1 khu đất này, lúc tặng cho trên đất đã có cây Keo, cây Mỡ của ông T3 trồng được khoảng 3 năm (bố mẹ bà T1 cho rằng khu đất trên, nhà ông T3 lấn chiếm phần đất này);

+ Theo Báo cáo số 182/BC-UBND ngày 10/9/2022 của UBND xã L về kết quả xác minh mâu thuẫn tranh chấp đất đai thì gia đình ông Hoàng Văn T3

đã sử dụng và canh tác thửa đất trên từ năm 1998 đến nay và đã khai thác 02 chu kỳ cây Mỡ.

Hiện trạng trên phần đất tranh chấp: Trên phần đất đang tranh chấp có cây Mỡ (tái sinh chồi) ông T3 trồng từ những năm 1998 và cây Keo trồng năm 2021;

Theo hồ sơ giao đất lâm nghiệp xã L năm 2002: thì không xác định được vị trí ngoài thực địa lô 20, khoảnh 4, tiểu khu B diện tích 0,31ha mà UBND huyện Đ giao đất cho ông Nguyễn Thế T tại Quyết định số 10241/QĐ-UB ngày 31/12/2002;

Căn cứ vào nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của các bên cho thấy phần đất tranh chấp trước năm 1998 là đất hoang, từ năm 1998 đến nay ông Hoàng Văn T3 sử dụng trồng cây Mỡ, K đến năm 2022 mới xảy ra tranh chấp, do vậy năm 2013 UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thế T được quyền sử dụng đất tại thửa đất số 737, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính xã L, diện tích 3.035m² đất rừng sản xuất, trong đó có khoảng 2.000m² đất ông Hoàng Văn T3 sử dụng ổn định từ năm 1998 đến nay là không đúng chủ sử dụng đất, không đúng quy định của pháp luật về đất đai quy định tại khoản 1, Điều 3 Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Hạt Kiểm lâm rừng ATK Định Hóa đề nghị TAND tỉnh Thái Nguyên tuyên hủy (hoặc thu hồi) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 777534, ký ngày 20/12/2013 mang tên ông Nguyễn Thế T, xóm Làng Giản (nay là xóm L) xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Lý do: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cấp trái với quy định tại khoản 1, Điều 3 Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Tại bản án sơ thẩm số 18/2024/DS-ST ngày 21/8/2024 Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 35; các Điều 39, 147, 157, 165, 227, 228; 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 2, 73 Luật đất đai 1993; Điều 10, Điều 105 Luật đất đai năm 2003; các điều, 5; 6 và 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nghị quyết số 01/2019/NQ - HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn.

Buộc ông Hoàng Văn T3 và bà Mông Thị Đ khai thác toàn bộ cây trồng trên đất để trả lại 2.177,3m² đất tại thửa 737, tờ bản đồ số 1 bản đồ địa chính xã L cho bà Hoàng Thị T1. Giá trị đất là 14.152.450 đồng (Có bản pho to kết quả đo đạc hiện trạng của Công ty cổ phần Đ1 ngày 02/8/2023 kèm theo bản án).

Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền chi phí tố tụng là 10.000.000 đồng, mỗi bên đương sự phải chịu $\frac{1}{2}$ số tiền chi phí tố tụng. Bà Hoàng Thị T1 đã nộp toàn bộ số tiền chi phí tố tụng, ông T3 có trách nhiệm trả bà T1 là 5.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 14/10/2024 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Mông Thị Đ có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. *Nội dung kháng cáo:* Bà không nhất trí với bản án sơ thẩm tuyên yêu cầu gia đình bà trả lại 2.177,3m² tại thửa 737, tờ bản đồ số 1 bản đồ địa chính xã L cho bà Hoàng Thị T1. Đề nghị Toà án xác minh lại thực địa.

Tại biên bản làm việc ngày 16/4/2025 bà Lưu Thị L thể hiện quan điểm hiện nay do bà tuổi già, sức khoẻ yếu nên đối với việc ông T khởi kiện ông T3 bà không liên quan, bà từ chối tham gia tố tụng, từ chối có mặt tại phiên toà phúc thẩm.

Tại biên bản làm việc ngày 16/4/2025 anh Nguyễn Thế T2 thể hiện quan điểm: Anh là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T. Do hiện nay anh đang đi làm xa không có mặt tại địa phương nên anh từ chối tham gia tố tụng trong vụ án. Anh T2 uỷ quyền cho bà T1 mẹ anh, anh đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt cho anh trong vụ án.

Tại biên bản làm việc ngày 16/4/2025 với đại diện theo uỷ quyền của Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên - Ông Trần Trường T5 - CV: Phó trưởng phòng, phòng Tài Nguyên và Môi trường huyện Đ thể hiện: Trong trường hợp Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Hoàng Văn T3 là bà Hoàng Thị T1 với bị đơn ông Hoàng Văn T3 thoả thuận và thống nhất người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn bà Hoàng Thị T1 được sử dụng diện tích 595,9m² đất tại thửa 737, tờ bản đồ số 1 bản đồ địa chính xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên và ông Hoàng Văn T3 được sử dụng diện tích 2.177,3m² đất tại thửa 737, tờ bản đồ số 1 bản đồ địa chính xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của Ủy ban nhân dân huyện Đ cho ông Nguyễn Thế T ngày 20/12/2013 thì Ủy ban nhân dân huyện Đ sẽ hướng dẫn thủ tục để cấp giấy chứng nhận cho Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Hoàng Văn T3 là bà Hoàng Thị T1 và ông Hoàng Văn T3 theo như phần quyết định của bản án đã có hiệu lực pháp luật.

Quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm bà T1 có ý kiến: Sau khi ông T chết, bà T1 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T cũng là người được anh T2 uỷ quyền tham gia tố tụng. Bà T1 nhất trí với việc khởi kiện của ông T về việc yêu cầu ông T3 trả lại thửa đất 737 tờ bản đồ số 1 bản đồ địa chính xã L. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông T về việc yêu cầu ông T3 bồi thường số tiền cây bán trên phần đất của ông T bà T1 xác định gia đình ông T3 đã bán hết cây

vào năm 2021 nên bà rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bồi thường số tiền cây trên thửa đất 737 tờ bản đồ số 1.

Tại phiên toà phúc thẩm: Các bên đương sự đã thống nhất thỏa thuận được nội dung tranh chấp như sau:

- Bà Hoàng Thị T1 nhất trí giao cho gia đình ông Hoàng Văn T3 được tiếp tục sử dụng diện tích 2.177,3m² đất (*đất rừng sản xuất*) tại thửa 737, tờ bản đồ số 1 bản đồ địa chính xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp mang tên ông Nguyễn Thế T ngày 20/12/2013;

- Ông Hoàng Văn T3 có trách nhiệm trích chia bằng giá trị đối với phần diện tích 2.177,3m² được quản lý sử dụng cho Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông T là bà Hoàng Thị T1, anh Nguyễn Thế T2 là 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*). Các bên đã thống nhất giao nhận xong số tiền 10.000.000đ tại phiên tòa phúc thẩm;

- Đại diện VKSND tỉnh Thái Nguyên phát biểu quan điểm:

- + Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đều tuân theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ.

- + Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà Mông Thị Đ, sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên và công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

- + Về án phí: Đề nghị HĐXX căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về án phí và lệ phí Tòa án để xem xét theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày và sự thỏa thuận tại phiên toà phúc thẩm của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[1]. Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Việc Tòa án nhân dân huyện Định Hóa thụ lý xét xử là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về tố tụng: Đơn kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Mông Thị Đ làm đúng trình tự, thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 272, khoản 1 Điều 273, Điều 276 BLTTDS nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về tư cách tham gia tố tụng:

Về tư cách tham gia tố tụng của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông Nguyễn Thế T gồm có: Bà Lưu Thị L (mẹ ông T), bà Hoàng Thị T1 (vợ ông T) và anh Nguyễn Thế T2 (con của ông T bà T1). Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm bà L xác định bà không liên quan đối với việc ông T khởi kiện ông T3, bà từ chối tham gia tố tụng và đề nghị Toà án không triệu tập, bà không

đến Toà án làm việc. Do vậy, đối với người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T được xác định là bà L anh T2. Anh T2 từ chối tham gia tố tụng và uỷ quyền toàn bộ việc giải quyết vụ án cho bà T1. Bà T1 nhận uỷ quyền của anh T2 và tham gia tố tụng là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T là đúng quy định.

Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm liên quan đến hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (đất rừng sản xuất) nhưng cấp sơ thẩm không đưa Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên và Hạt kiểm lâm A, tỉnh Thái Nguyên tham gia với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là vi phạm thủ tục tố tụng. Tuy nhiên, trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trên đã có văn bản cử người tham gia tố tụng và thể hiện quan điểm ý kiến đối với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và có đơn xin xét xử, giải quyết vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành phiên toà phúc thẩm xét xử vắng mặt những người có quyền và nghĩa vụ liên quan.

[2]. Xét nội dung kháng của người có QLNVLQ, HĐXX thấy:

* Về nguồn gốc, quá trình sử dụng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất tranh chấp:

+ Thửa đất đang có tranh chấp thuộc một phần thửa đất số 737, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính xã L, diện tích khoảng hơn 2.000 m² đất rừng sản xuất (Sơ đồ vị trí do công ty Đ1 thực hiện 8/2023);

+ Tại Quyết định 10241/QĐ/UB ngày 31/12/2002 của UBND huyện Đ về giao đất lâm nghiệp, cho ông Nguyễn Thế T, Lô B, K Tiểu khu B diện tích 0,31ha;

+ Bản đồ giao đất giao rừng năm 2002 xã L;

+ Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 07/7/2013 của ông Nguyễn Thế T;

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 777534, sổ vào sổ CH 05044, ký ngày 20/12/2013 mang tên ông Nguyễn Thế T;

+ Bản đồ địa chính xã L tờ số 01.

* Quá trình cấp giấy chứng nhận thửa đất số 737, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính xã L cho ông Nguyễn Thế T:

+ Ngày 07/7/2013 ông Nguyễn Thế T làm đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 737, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính xã L, diện tích 3035 m² đất rừng sản xuất;

+ Ngày 20/12/2013 ông Nguyễn Thế T được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 777534, sổ vào sổ CH 05044 đối với thửa đất số 737, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính xã L, diện tích 3035 m² đất rừng sản xuất.

* Nguồn gốc, quá trình sử dụng đất:

+ Bà Hoàng Thị T1 (vợ ông Nguyễn Thế T): Trước năm 1997 là đất hoang, năm 2000 bố mẹ bà T1 tặng cho бат Tiêu khu đất này, lúc tặng cho trên đất đã có cây K, M của ông T3 trồng khoảng được 3 năm (Bố mẹ bà T1 cho rằng khu đất trên đã bị nhà ông T3 lấn chiếm phần đất này).

+ Ông Hoàng Văn T3: Trước năm 1998 là đất hoang, đến năm 1998 ông T3 khai phá trồng Sắn, đến năm 2002 trồng M, năm 2021 trồng thêm Keo.

+ Quá trình xác minh tại UBND xã L, xác định gia đình ông Hoàng Văn T3 đã sử dụng và canh tác thửa đất trên từ năm 1998 đến nay và đã khai thác 02 chu kỳ cây (cây Mỡ).

* Tại biên bản xác minh ngày 14/12/2023 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Qua kiểm tra bản đồ đo đạc đất lâm nghiệp, hồ sơ địa chính lưu tại Ủy ban nhân dân xã L, cán bộ địa chính xã L, ông Nông Đình C cung cấp thông tin: Theo bản đồ địa chính, thửa đất số 737 tờ BĐ 02 tiếp giáp với các thửa đất số: 771, 762, 755, 736, 715, 709, 770, 724, 690, 091. Theo hồ sơ giao đất lâm nghiệp năm 2002 thể hiện: Khu vực đất tranh chấp hiện tại không xác định được vị trí, số liệu thể hiện trên bản vẽ Lô 20 = 0,31 ha K1, TK 222 theo hồ sơ giao đất lâm nghiệp số 10241 cấp ngày 31/12/2002 được giao cho ông Nguyễn Thế T, qua xem xét xác định không trùng khớp với vị trí thửa đất số 737 tờ bản đồ địa chính số 02 xã L hiện đang có tranh chấp trong vụ án (bút lục số 70).

* Tại văn bản số 813/UBND-TNMT ngày 14/02/2025 của Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên thể hiện nội dung: Theo hồ sơ giao đất lâm nghiệp xã L năm 2002 thì không xác định được vị trí ngoài thực địa Lô 20, K Tiểu khu B diện tích 0,31ha mà UBND huyện Đ giao đất cho ông Nguyễn Thế T theo Quyết định 10241 QĐ/UB ngày 31/12/2002. Căn cứ vào nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của các bên cho thấy phần đất tranh chấp trước năm 1998 là đất hoang, từ năm 1998 đến nay ông Hoàng Văn T3 sử dụng trồng cây Mỡ, K, đến năm 2022 mới xảy ra tranh chấp, do vậy, năm 2013 UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thế T được quyền sử dụng thửa đất số 737, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính xã L, diện tích 3035 m² đất rừng sản xuất, trong đó có khoảng hơn 2.000 m² đất ông Hoàng Văn T3 sử dụng ổn định từ năm 1998 đến nay là không đúng chủ sử dụng đất, không đúng quy định của pháp luật đất đai, trái với quy định tại Khoản 1, Điều 3 Nghị định 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, cụ thể như sau: “Điều 3. Nguyên tắc cấp Giấy chứng nhận: 1. *Giấy chứng nhận được cấp cho người có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất theo từng thửa đất. Trường hợp người sử dụng đất đang sử dụng nhiều thửa đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối tại cùng một xã, phường, thị trấn mà có yêu cầu thì được cấp một Giấy chứng nhận chung cho các thửa đất đó*”. Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đề nghị tuyên hủy (hoặc thu hồi) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 777534, sổ vào sổ CH 05044, ký ngày 20/12/2013 mang tên ông Nguyễn Thế T, xóm Làng Giản (nay là xóm L), xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Lý do: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cấp trái với quy định tại Khoản 1, Điều 3 Nghị định 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

* Tại văn bản số 10/HKL-PC ngày 14/02/2025 của Hạt kiểm lâm rừng ATK Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên thể hiện nội dung:

+ Theo hồ sơ giao đất lâm nghiệp xã L năm 2002 thì không xác định được vị trí ngoài thực địa lô 20, khoảnh 4, tiểu khu B diện tích 0,31ha mà UBND huyện Đ giao đất cho ông Nguyễn Thế T theo Quyết định số 10241/QĐ-UB ngày 31/12/2002;

+ Căn cứ vào nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của các bên cho thấy phần đất tranh chấp trước năm 1998 là đất hoang, từ năm 1998 đến nay ông Hoàng Văn T3 sử dụng trồng cây Mỡ, K đến năm 2022 mới xảy ra tranh chấp;

Do vậy năm 2013 UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thế T được quyền sử dụng đất tại thửa đất số 737, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính xã L, diện tích 3.035m² đất rừng sản xuất, trong đó có khoảng 2.000m² đất ông Hoàng Văn T3 sử dụng ổn định từ năm 1998 đến nay là không đúng chủ sử dụng đất, không đúng quy định của pháp luật về đất đai quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Hạt Kiểm lâm rừng ATK Định Hóa đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên tuyên hủy (hoặc thu hồi) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 777534, ký ngày 20/12/2013 mang tên ông Nguyễn Thế T, xóm Làng Giản (nay là xóm L) xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. *Lý do:* Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cấp trái với quy định tại khoản 1, Điều 3 Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy:

Việc ông Nguyễn Thế T khởi kiện và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông T yêu cầu vợ chồng ông T3, bà Đ trả lại 2.177,3 m² đất đã lấn chiếm vào thửa 737, tờ bản đồ số 1 xã L là không có căn cứ. Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Định Hoá quyết định buộc ông T3 và bà Đ khai thác cây trồng, trả lại phần diện tích đất nêu trên cho bà T1 là chưa phù hợp.

Tuy nhiên, tại phiên toà phúc thẩm người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T là bà T1 và bị đơn ông T3, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đ đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án; ông T5 là người được ủy quyền cho rằng nếu các đương sự thoả thuận được với nhau thì UBND huyện Đ cũng đồng ý. Cụ thể như sau:

+ Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn bà Hoàng Thị T1 được sử dụng diện tích 595,9m² đất tại thửa 737, tờ bản đồ số 1 bản đồ địa chính xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (Theo kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất 737 là các điểm A, D, 5, C, 4, B, A);

+ Ông Hoàng Văn T3 được sử dụng diện tích 2.177,3m² đất tại thửa 737, tờ bản đồ số 1 bản đồ địa chính xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của Ủy ban nhân dân huyện Đ đã cấp cho ông Nguyễn Thế T ngày 20/12/2013(Theo kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất 737 là các điểm A, H, I, K, L, M, 16, 17, G, 4, C, 5, D, A);

+ Ông Hoàng Văn T3 được quyền sử dụng diện tích 2.177,3m² đất tại thửa 737, tờ bản đồ số 1 bản đồ địa chính xã L và có quyền liên hệ với cơ quan có

thẩm quyền làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng tại cơ quan có thẩm quyền.

+ Bà Hoàng Thị T1 có trách nhiệm cung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 777534 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 20/12/2013 cho ông Nguyễn Thế T (bản gốc) để thực hiện đăng ký biến động đất tại cơ quan có thẩm quyền theo quyết định của bản án này.

+ Ông Hoàng Văn T3 có trách nhiệm trích chia bằng giá trị đối với phần diện tích 2.177,3m² cho bà Hoàng Thị T1 là 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

+ Về chi phí tố tụng: Bà T1 ông T3 thỏa thuận mỗi người chịu ½ chi phí tố tụng về việc thẩm định, định giá là 5.000.000đ. Do bà T1 đã tạm ứng số tiền 10.000.000đ nên ông T3 có trách nhiệm thanh toán lại cho bà T1 số tiền 5.000.000đ.

Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên được HĐXX ghi nhận.

Căn cứ Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như nêu trên.

Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà T1, ông T3 phải chịu án phí sơ thẩm đối với phần tài sản được quản lý, sử dụng. Trong đó: Ông Nguyễn Thế T (Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T là bà Hoàng Thị T1 và anh Nguyễn Thế T2) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ. Xác nhận ông T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003116 ngày 24/6/2023, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên. Ông T (Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T là bà Hoàng Thị T1 và anh Nguyễn Thế T2) được hoàn lại số tiền 450.000đ (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng) án phí đã nộp.

Ông Hoàng Văn T3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 708.000 (Bảy trăm linh tám nghìn) đồng (đã làm tròn) nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Mông Thị Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả bà Đ 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0006339 ngày 28/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên.

Từ những phân tích nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 166 Bộ luật dân sự; Điều 101, 166, 203 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận kháng cáo của bà Mông Thị Đ. Sửa toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 18/2024/DSST ngày 21/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

1.1. Hộ ông Nguyễn Thế T (Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông T là bà Hoàng Thị T1 được sử dụng diện tích 595,9m² đất (đất rừng sản xuất) tại thửa 737, tờ bản đồ số 1 bản đồ địa chính xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp mang tên ông Nguyễn Thế T ngày 20/12/2013 (Theo kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất 737 là các điểm A, D, 5, C, 4, B, A).

(Có sơ đồ kèm theo);

1.2. Ông Hoàng Văn T3 được quyền sử dụng diện tích 2.177,3m² đất (đất rừng sản xuất) tại thửa 737, tờ bản đồ số 1 bản đồ địa chính xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp mang tên ông Nguyễn Thế T ngày 20/12/2013 (Theo kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất 737 là các điểm A, H, I, K, L, M, 16, 17, G, 4, C, 5, D, A).

(Có sơ đồ kèm theo);

Bà Hoàng Thị T1 có trách nhiệm giao nộp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 777534 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 20/12/2013 mang tên ông Nguyễn Thế T (bản gốc) để thực hiện đăng ký biến động đất tại cơ quan có thẩm quyền theo quyết định của bản án này.

Ông Hoàng Văn T3 có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 2.177,3m² tại thửa 737, tờ bản đồ số 1 bản đồ địa chính xã L theo quy định.

1.3. Về nghĩa vụ trích trả giá trị đất:

Ông Hoàng Văn T3 có trách nhiệm thanh toán giá trị Quyền sử dụng đất bằng tiền đối với phần diện tích 2.177,3m² được quản lý sử dụng cho Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Thế T là bà Hoàng Thị T1, anh Nguyễn Thế T2 số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Ghi nhận ông T3 đã thanh toán xong số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) cho người nhận bà Hoàng Thị T1 tại phiên tòa.

2. Về chi phí tố tụng: Bà T1 ông T3 thỏa thuận mỗi người chịu ½ chi phí tố tụng về việc thẩm định, định giá là 5.000.000đ. Do bà T1 đã tạm ứng số tiền 10.000.000đ nên ông T3 có trách nhiệm thanh toán trả cho bà T1 số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà T1, ông T3 phải chịu án phí sơ thẩm đối với phần tài sản được quản lý, sử dụng. Trong đó: Ông Nguyễn Thế T (Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T là bà Hoàng Thị T1 và anh Nguyễn Thế T2) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ. Xác nhận ông T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003116 ngày 24/6/2023, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên. Ông T (Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T là bà Hoàng Thị T1 và anh Nguyễn Thế T2) được hoàn lại số tiền 450.000đ (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng) án phí đã nộp.

Ông Hoàng Văn T3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 708.000đ (*Bảy trăm linh tám nghìn đồng, đã làm tròn*) nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Mông Thị Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả bà Đ 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0006339 ngày 28/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND huyện Định Hoá;
- UBND huyện Định Hóa;
- Hạt kiểm lâm ATK Định Hóa;
- Chi cục THADS huyện Định Hoá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Văn Kiên